

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (DỰ KIẾN)
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	23147006	Nguyễn Thế Khang	13	11	8,66	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.991.850		20.991.850		Hóa học
2	23147035	Lâm Thi Thắng	13	11	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.991.850		20.991.850		Hóa học
3	23147036	Phan Tấn Thành	16	11	8,95	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.991.850		20.991.850		Hóa học
4	23147115	Phan Thủy Trúc	13	11	8,81	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.991.850		20.991.850		Hóa học
5	23247004	Trần Gia Bảo	16	16	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.630.000		30.630.000		CNKT Hóa
6	23247029	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	16	16	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.630.000		30.630.000		CNKT Hóa
7	23247107	Hồ Sĩ Sơn	15	15	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	28.751.360		28.751.360		CNKT Hóa
8	24147002	Phan Lê Anh	14	14	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.141.000	12.558.750	17.582.250	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
9	24147008	Phan Nguyễn Thanh Tài	14	14	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.141.000		30.141.000		Hóa học
10	24147020	Đinh Ngọc Quý	14	14	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	30.141.000		30.141.000		Hóa học
11	24247028	Đặng Minh Triết	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.863.920		23.863.920		CNKT Hóa
12	24247041	Nguyễn Bích An	14	14	8,77	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.875.260		21.875.260		CNKT Hóa
13	24247096	Lưu Hải My	14	14	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.875.260		21.875.260		CNKT Hóa
14	24247118	Nguyễn Quốc Thành	14	14	8,84	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.875.260		21.875.260		CNKT Hóa
15	25147037	Nguyễn Nhật Nam	17	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800	16.389.000	3.277.800	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Hóa học
16	25147087	Nguyễn Thị Huyền Trang	17	12	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800		19.666.800		Hóa học
17	25147111	Trần Tuấn Hưng	17	12	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800		19.666.800		Hóa học
18	25147117	Hồ Thụy Trúc Lam	17	12	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800		19.666.800		Hóa học
19	25147120	Nguyễn Khánh Linh	17	12	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800		19.666.800		Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/25- 26	XL HT HK2/25- 26	XL ĐRL HK2/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
20	25147131	Nguyễn Quỳnh Như	17	12	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.666.800	16.389.000	3.277.800	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Hóa học
21	25247003	Hồ Thị Tường An	19	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.271.560		24.271.560		CNKT Hóa
22	25247022	Nguyễn Hoàng	19	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.271.560		24.271.560		CNKT Hóa
23	25247048	Trần Quốc Quý	19	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.271.560	10.113.150	14.158.410	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CNKT Hóa
24	25247084	Phạm Ngọc Tạo	19	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.271.560		24.271.560		CNKT Hóa
25	25247111	Tôn Gia Gia	19	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.271.560		24.271.560		CNKT Hóa